

**BỘ QUỐC PHÒNG****BỘ QUỐC PHÒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: *15* /2019/TT-BQPHà Nội, ngày *11* tháng *02* năm 2019**THÔNG TƯ****Quy định quy trình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát  
của Cảnh sát biển Việt Nam***Căn cứ Luật Cảnh sát biển Việt Nam ngày 19 tháng 11 năm 2018;**Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;**Theo đề nghị của Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam;**Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định quy trình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định quy trình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này áp dụng đối với Cảnh sát biển Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân và tàu thuyền hoạt động trong vùng biển Việt Nam.

2. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng điều ước quốc tế đó.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tuần tra là hoạt động lưu động trên biển của lực lượng tuần tra Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện theo kế hoạch hoặc đột xuất để kiểm tra, kiểm soát đối với tổ chức, cá nhân và tàu thuyền hoạt động trong vùng biển Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ của Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Kiểm tra là hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam, tiến hành dừng tàu thuyền hoạt động trên biển và tổ chức lực lượng tiếp cận, lên tàu thuyền để kiểm soát người, trang bị, hàng hóa và tàu thuyền theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật.

3. Kiểm soát là hoạt động của Cảnh sát biển Việt Nam, soát xét giấy tờ, tài liệu về người, trang bị, hàng hóa; tiến hành áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm; thu thập chứng cứ, tài liệu trên tàu thuyền bị kiểm tra, kiểm soát để phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Quy trình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát là trình tự các bước do cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam thực hiện, kể từ khi có hiệu lệnh dừng tàu thuyền để kiểm tra, lên tàu thuyền cần kiểm tra cho đến khi kết thúc hoạt động kiểm tra, kiểm soát và rời khỏi tàu thuyền bị kiểm tra, kiểm soát.

5. Quy trình xử lý vi phạm là trình tự các bước do cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển thực hiện, kể từ khi phát hiện vi phạm, lập biên bản vi phạm, hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm cho đến khi thực hiện xong việc xử lý vi phạm, hoặc Cảnh sát biển Việt Nam bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 4. Nguyên tắc hoạt động tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm**

1. Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, quy định của Thông tư này, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trên biển.

2. Ngăn chặn, xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trên biển.

3. Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm trên biển phải sử dụng trang phục theo quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng.

**Điều 5. Yêu cầu đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển Việt Nam hoạt động tuần tra, kiểm tra, kiểm soát**

1. Có thái độ tôn trọng, đúng mực, ứng xử có văn hóa khi tiếp xúc với các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân và tàu thuyền hoạt động hợp pháp trên biển.

3. Không lợi dụng vị trí công tác để trục lợi.

4. Nghiêm cấm lợi dụng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát để sách nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân; xâm hại lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc bao che, dung túng, tiếp tay đối với các hành vi vi phạm pháp luật khác.



**Điều 6. Lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát****1. Thẩm quyền quyết định lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát:**

a) Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam quyết định người chỉ huy, thành phần và trang bị của lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát thuộc các cơ quan, đơn vị Cảnh sát biển Việt Nam khi tình hình trên biển phức tạp, có yếu tố nước ngoài, phạm vi rộng, liên quan đến nhiều địa bàn, nhiều lực lượng;

b) Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển quyết định người chỉ huy, thành phần và trang bị của lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát thuộc các đơn vị thuộc quyền thực hiện trong phạm vi vùng biển quản lý;

c) Cục trưởng Cục nghiệp vụ và Pháp luật quyết định người chỉ huy, thành phần và trang bị của lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát các cơ quan thuộc quyền trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Người chỉ huy lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát là cán bộ chỉ huy biên đội trong trường hợp hoạt động tuần tra, kiểm tra, kiểm soát theo đội hình biên đội tàu, xuồng hoặc là thuyền trưởng theo đội hình đơn tàu, xuồng.

**3. Lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát:**

a) Lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát bao gồm: Cán bộ, chiến sĩ, biên chế trên tàu, xuồng và máy bay của Cảnh sát biển Việt Nam; cán bộ, chiến sĩ nghiệp vụ pháp luật và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng phối thuộc hoặc phối hợp; người được huy động;

b) Phương tiện tuần tra, kiểm tra, kiểm soát bao gồm: Tàu, xuồng, máy bay và các trang bị trong biên chế của Cảnh sát biển Việt Nam; tàu thuyền và phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự khi được huy động theo quy định tại Điều 16 Luật Cảnh sát biển Việt Nam;

c) Theo yêu cầu nhiệm vụ cụ thể từng lần tuần tra, kiểm tra, kiểm soát người chỉ huy lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát quyết định số lượng, thành phần, trang bị, tàu xuồng của lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát.

**4. Tổ kiểm tra, kiểm soát:**

a) Tổ kiểm tra, kiểm soát là một bộ phận thuộc lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát của Cảnh sát biển Việt Nam. Trên mỗi tàu, xuồng Cảnh sát biển Việt Nam tham gia tuần tra, kiểm tra, kiểm soát phải có ít nhất 01 (một) Tổ kiểm tra, kiểm soát. Mỗi Tổ kiểm tra, kiểm soát có ít nhất 03 (ba) cán bộ, chiến sĩ. Trong đó, phải có ít nhất 01 (một) cán bộ nghiệp vụ pháp luật;

b) Thành phần Tổ kiểm tra, kiểm soát bao gồm: Cán bộ, chiến sĩ nghiệp vụ pháp luật; cán bộ, chiến sĩ thông tin, hàng hải, máy tàu, cảnh giới được biên



chế trên tàu, xuống Cảnh sát biển và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng phối thuộc hoặc phối hợp;

c) Tổ trưởng Tổ kiểm tra, kiểm soát là người chỉ huy của Tổ kiểm tra, kiểm soát, có chức danh pháp lý, có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Nhiệm vụ của Tổ kiểm tra, kiểm soát**

1. Kiểm tra, kiểm soát đối với tàu thuyền, thuyền viên và hàng hóa trên tàu thuyền hoạt động trên biển.

2. Chấp hành nghiêm sự chỉ huy, chỉ đạo của cấp trên và kế hoạch, phương án tuần tra, kiểm tra, kiểm soát đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoặc đề nghị người có thẩm quyền xử lý kịp thời hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Giải thích, hướng dẫn, tuyên truyền cho tổ chức, cá nhân hoạt động trên biển về hành vi vi phạm pháp luật; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện nhiệm vụ.

6. Thu thập tình hình, thông tin, chứng cứ, tài liệu có liên quan về tội phạm, vi phạm pháp luật trên biển.

7. Xử lý vi phạm hành chính theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tiến hành một số hoạt động điều tra hình sự theo quy định của pháp luật về tổ chức cơ quan điều tra hình sự, pháp luật tố tụng hình sự.

8. Lập các biên bản có liên quan theo quy định của pháp luật; áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp bảo đảm xử lý vi phạm và ra quyết định, văn bản thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Giao các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền cho các đối tượng có liên quan.

10. Đề nghị tổ chức, cá nhân phối hợp, hỗ trợ giải quyết vụ việc và trả lời hoặc cho ý kiến đối với nội dung liên quan đến vụ việc.

11. Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và pháp luật có liên quan.

12. Báo cáo, kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền những vấn đề có liên quan đến vụ việc.

13. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.



**Điều 8. Trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ và phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho Tổ kiểm tra, kiểm soát**

1. Tổ kiểm tra, kiểm soát được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ; các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ gồm máy quay phim, chụp ảnh, ghi âm; đèn pin chiếu sáng; máy thông tin liên lạc; trang bị bảo đảm an toàn và các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ khác theo quy định.

2. Trong quá trình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trên biển, Tổ kiểm tra, kiểm soát được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, Luật Cảnh sát biển Việt Nam và quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Kết quả thu thập được từ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, phối hợp với những tài liệu, chứng cứ khác phục vụ cho công tác đấu tranh xử lý tội phạm, vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 9. Mối quan hệ của các thành phần trong lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát**

1. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật chỉ huy, chỉ đạo trực tiếp lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát thuộc quyền khi thực hiện nhiệm vụ.

2. Mối quan hệ giữa Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật với lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát thuộc quyền là quan hệ chỉ huy và phục tùng chỉ huy.

3. Tổ kiểm tra, kiểm soát chịu sự chỉ huy, chỉ đạo trực tiếp của người chỉ huy lực lượng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát.

4. Tổ kiểm tra, kiểm soát chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ pháp luật của cơ quan nghiệp vụ pháp luật cấp trên; phối hợp chặt chẽ với Thuyền trưởng tàu, xuồng Cảnh sát biển để thực hiện nhiệm vụ.

5. Thuyền trưởng tàu, xuồng Cảnh sát biển chỉ huy, chỉ đạo Tổ kiểm tra, kiểm soát về đảm bảo sức sống của tàu, xuồng và sẵn sàng chiến đấu trên tàu, xuồng; có trách nhiệm bố trí nơi ngủ, nghỉ, sinh hoạt, học tập, công tác và tạo điều kiện để cán bộ, chiến sĩ của Tổ kiểm tra, kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**Điều 10. Đội hình, biện pháp tuần tra, kiểm tra, kiểm soát**

1. Đội hình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát:

a) Đội hình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát của tàu, xuồng Cảnh sát biển theo đội hình đơn tàu, xuồng hoặc biên đội tàu, xuồng và tàu thuyền dân sự được huy động;